

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK5+BK9	7:25	12+0+0	0+0+0		17+1+4	0+0+0	CHUYEN 5 PPD-BK5
2		P4+P7+P8	7:25	10+0+2	0+0+0		14+5+3	0+0+0	
3		PPD+CTK3+BK20	7:25	12+0+0	0+0+0		21+0+0	0+0+0	CHUYEN 1 CTK3-BK20
4		TGTH1+AMD+BK14	8:00	5+10+0	0+0+0		5+9+5	0+0+0	
5		RP3	9:25	13	0		22	0	
6		PPD	9:25	11	0		22	0	
7		RP1+RC4+RP3	9:25	0+1+12	0+0+0		0+1+21	0+0+0	CHUYEN 2 RP1-RC4
8		P4+P8+TD1	11:25	8+2+0	0+0+0		16+5+1	0+0+0	
9		T.U.NG	13:25	16	0		18	0	
10		VSP01+TD5+AMD	13:25	3+1+7	0+0+0		0+1+21	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ ĐI VỀ TRONG NGÀY p8-2NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2024		TO: PPD - BK5 - BK9				AIRCRAFT: 406			ETD: 07:30		
FLIGHT: 1		FROM: VT				CREW: LINH - NPHÚ - THỤ			ETA: 09:20		
XANH-1											
No.	PAXNAME		OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
							PCS	Kg			
1	ĐỖ CHUNG KIÊN		PPD	64	1	3			60	KHI	Vietnamese
2	TRẦN SƠN TOÀN		PPD	67	1	4			73	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC LÂM		PPD	69	1	6			75	KHI	Vietnamese
4	VÕ VĂN QUYÊN		PPD	68	1	2			70	KHI	Vietnamese
5	VŨ VĂN TRIỆU		PPD	66	1	5			76	KHI	Vietnamese
6	NGÔ SỸ THANH		PPD	63	1	4	3	45	90	KHI	Vietnamese
7	TRỊNH VĂN CƯỜNG		PPD	65	1	5			63	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH VIÊN		PPD	71-72	2	10			76	KHI	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN TUẤN		PPD	70	1	2			66	KHI	Vietnamese
10	TRẦN HUYNH ANH PHONG		PPD	76	1	5			74	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LÂM		PPD	73	1	10			92	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN		PPD	74-75	2	12			65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	PPD		12	880	14	68	3	45	17 ⁺⁵		CHUYEN 5 PAX TU PPD - BK5
2	BK5		0	0	0	0	1	15	1		
3	BK9		0	0	0	0	1	15	4		
TOTAL			12	880	14	68	5	75	22		
WEIGHT KG				880		68		75			

GRAND TOAL: 1.023 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/10/2024		TO: P4 - P7 - P8				AIRCRAFT: 428			ETD: 07:35	
FLIGHT: 2		FROM: VT				CREW: TUYỀN - N.ANH - MQUÂN			ETA: 09:25	
CAM-1										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRINH VIET THANG	P4	57	1	10	2	30	81	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VAN MANH	P4						57	KHI	Vietnamese
3	TRAN VAN PHUC	P4	60	1	6			71	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN LE HUY	P4	63	1	5			72	KHI	Vietnamese
5	PHAM QUOC DUY	P4	59	1	4			60	KHI	Vietnamese
6	LE VAN HOAN	P4	58	1	3			69	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN HONG PHUC	P4	65	1	6			71	KHI	Vietnamese
8	VU DINH CUONG	P4	62	1	6			77	KHI	Vietnamese
9	DUONG DINH HIEN	P4	61	1	5			65	KHI	Vietnamese
10	TRAN VAN NAM	P4	64	1	4			71	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN TRUONG TUNG	P8						75	D-HANH	Vietnamese
12	TRAN ANH TUAN	P8	400	1	5			71	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	10	694	9	49	2	30	14		
2	P7	0	0	0	0	0	0	5		
3	P8	2	146	1	5	0	0	3		
TOTAL		12	840	10	54	2	30	22		
WEIGHT KG			840		54		30			

GRAND TOAL: 924 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2024	TO: PPD - CTK3 - BK20	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - SƠN - HIẾU	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ XUÂN SƠN	PPD	55	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ ĐỨC VỌNG	PPD						65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VĂN THẮNG	PPD	54	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI NANG PHONG	PPD	53	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
5	LE SY KHOA	PPD						76	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	59	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN VINH	PPD	51	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	57	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	58	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH BA NINH	PPD	52	1	4			55	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ QUANG HUY	PPD						65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHI DUY HOAN	PPD	57	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN NHAC	CTK3	13-14	2	12			74	BIEN DONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	PPD		12	822	9	44	0	0	21		
2	CTK3		1	74	2	12	0	0	0+	1	CHUYEN 01 PAX TỪ CTK3 SANG BK20
3	BK20		0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL			13	896	11	56	0	0	21		
WEIGHT KG				896		56		0			

GRAND TOAL: 952 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2024	TO: TGTH1 - AMD - BK14	AIRCRAFT: 622	ETD: 08:00
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HOÀI - XTRƯỜNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN DUY LAM	TGTH1	55	1	10	2	22	66	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC NHA	TGTH1	56-57	2	13			55	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN HƯƠNG	TGTH1	60-61	2	7			69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VĂN NGHIA	TGTH1	58-59	2	10			63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG DUY	TGTH1	53-54	2	12			69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC TAN	AMD	12	1	5	2	40	74	TLJOC	Vietnamese
7	NGUYEN NHU BAO CHUÔNG	AMD	09-10	2	11			78	KH-THAC	Vietnamese
8	DUƠNG CÔNG TÂN	AMD	07-08	2	15			68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	04	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HIỆU THAO	AMD	05	1	7			56	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUANG LONG	AMD	01	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
12	YA LỘC	AMD	06	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
13	THAI BA HUNG	AMD	100	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM TUÂN ANH	AMD	11	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN BA QUÂN	AMD	02-03	2	10			80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TGTH1	5	322	9	52	2	22	5		
2	AMD	10	690	13	76	2	40	9		
3	BK14	0	0	0	0	1	3	5		
TOTAL		15	1.012	22	128	5	65	19		
WEIGHT KG			1.012		128		65			

GRAND TOAL: 1.205 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/10/2024	TO: RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:57
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: CHIẾN - SON - HIẾU	ETA: 11:50
VANG - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DUBOV A. V.	RP3	52	1	5			95	KH-THAC	Russian
2	KHARITONOV YURY	RP3	51	1	8			78	KHI	Russian
3	LAM TIEN PHI	RP3	53-54	2	8			84	KHI	Vietnamese
4	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	49	1	3			82	KHI	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC HUNG	RP3	48	1	5			82	KHI	Vietnamese
6	VŨ MẠNH CUÔNG	RP3	58	1	7			71	KHI	Vietnamese
7	PHẠM HOANG NGUYEN	RP3	56	1	5			67	KHI	Vietnamese
8	HOANG VAN HAI	RP3	59	1	7			63	KHI	Vietnamese
9	VŨ ĐÓN LONG	RP3	50	1	7			77	KHI	Vietnamese
10	LE XUAN VIET	RP3				6	100	77	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG NAM	RP3	57	1	4			63	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN QUỐC CUÔNG	RP3	47	1	7			82	KHI	Vietnamese
13	KHÔNG TIEN DUNG	RP3	55	1	7			78	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	13	999	13	73	6	100	22		
TOTAL		13	999	13	73	6	100	22		
WEIGHT KG			999		73		100			

GRAND TOAL: 1.172 KGS

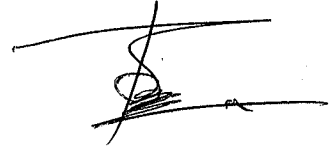
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2024	TO: PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.ANH - MQUÂN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐO XUAN HA	PPD	49	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC CU	PPD	48	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN ĐUC KHANG	PPD	41	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN CONG HIEN	PPD	43	1	3			56	KHI	Vietnamese
5	TRAN QUOC HUNG	PPD	50	1	3			55	KHI	Vietnamese
6	LE TRUNG LAN	PPD	39	1	3	1	15	83	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN THE HUNG	PPD	42	1	3			76	KHI	Vietnamese
8	BUI NGOC HUONG	PPD	45	1	8			63	KHI	Vietnamese
9	LUONG MANH DUONG	PPD	40	1	3			62	KHI	Vietnamese
10	LUONG THE HIEN	PPD	44	1	6			67	NIPI	Vietnamese
11	LUONG MINH KHUE	PPD	46-47	2	11			60	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	PPD		11	716	12	58	1	15	22		
TOTAL			11	716	12	58	1	15	22		
WEIGHT KG				716		58		15			

GRAND TOAL: 789 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2024	TO: RP1 - RC4 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LINH - NPHÚ - THỤ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	MALYGIN	RC4	72-73	2	19	4	63	92	NOVOMET	Russian
2	PHAN ANH KHANG	RP3	65-66	2	18	1	20	65	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN BA HIEP	RP3	54	1	5			79	KHI	Vietnamese
4	TRAN TRUNG KIEN	RP3	52	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG VAN CONG	RP3	55-56	2	15			79	KHI	Vietnamese
6	PHAN XUAN HIEU	RP3	67-68	2	12			66	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN CONG KHAI	RP3	62-64	3	16			61	KHI	Vietnamese
8	GIANG THANH PHUONG	RP3	69	1	4			62	KHI	Vietnamese
9	DOAN HUU TANG	RP3	53	1	5			62	KHI	Vietnamese
10	TRAN VIET CUONG	RP3	60-61	2	14			69	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG ANH	RP3	59	1	10			65	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN MINH PHAT	RP3	57-58	2	9			67	KHI	Vietnamese
13	TRAN DINH QUANG	RP3	51	1	6			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	RP1		0	0	0	0	0	0	2	CHUYEN 2 PAX RP1-RC4	
2	RC4		1	92	2	19	4	63	1		
3	RP3		12	821	19	122	1	20	21		
TOTAL			13	913	21	141	5	83	22		
WEIGHT KG				913		141		83			

GRAND TOAL: 1.137 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2024	TO: P4 - P8 - TD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNAM - DTÙNG	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ QUANG VINH	P4	98	1	7	1	16	70	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH TRUNG	P4	87	1	15			75	NHATHAU	Vietnamese
3	HUYNH THAI NGUYEN	P4	85,89	2	9			66	NHATHAU	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	99	1	7	3	40	67	KHI	Vietnamese
5	VITALY ZAGUDAEV	P4	94	1	3			80	KHI	Russian
6	OVCHARENKO ANDREI	P4	97	1	5			83	KHI	Russian
7	TRẦN VĂN HOA	P4	92	1	5			70	PSV	Vietnamese
8	PHẠM BA KHANH	P4	95	1	8			75	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN TRAI	P4	86	1	7			84	NAMTIEN	Vietnamese
10	NGUYEN TUAN KIET	P4	90-91	2	14			79	NAMTIEN	Vietnamese
11	NGO VAN GIAP	P4	93,96	2	12			61	NAMTIEN	Vietnamese
12	LÊ PHI HAU	P4	84	1	10	1	20	61	NAMTIEN	Vietnamese
13	NGUYEN PHUONG DAT	P4	88	1	6			57	NAMTIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN NAM HAI	P8	10-11	2	15			80	DVL	Vietnamese
15	LUÔNG TRỌNG DUƠNG	P8	09	1	5			56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE							ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
				PCS	W	PCS	W				
1	P4	13	928	16	108	5	76	16			
2	P8	2	136	3	20	0	0	5			
3	TD1	0	0	0	0	0	0	1			
TOTAL		15	1.064	19	128	5	76	22			
WEIGHT KG			1.064		128		76				

GRAND TOAL: 1.268 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lữ VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 13:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: ĐTRUNG - MTIẾN	ETA: 16:40
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN NGÔ HOÀN	T.UNG	28-29	2	16			67	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN THE HUNG	T.UNG	21	1	10			76	PVEP-POC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T.UNG	20	1	7			65	PVEP ITC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC HIỆU	T.UNG	33	1	7	3	45	67	PVEP ITC	Vietnamese
5	ZELENSKII ANDREI	T.UNG	23	1	7			85	KH-THAC	Russian
6	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	26-27	2	6			78	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VIỆT TÙNG	T.UNG						74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG DUƠNG	T.UNG	30-31	2	7			69	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ DUY DŨNG	T.UNG	32	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NAM	T.UNG	24	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
11	KIEU XUÂN TÂM	T.UNG						75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN THỊ	T.UNG	19	1	5	1	5	74	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔ HÙNG DŨNG	T.UNG	37	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HAI	T.UNG	22	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN QUANG HOÀ	T.UNG	43	1	3	5	100	75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ VĂN HIỆN	T.UNG	25	1	5			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	16	1.185	17	100	9	150	18		
TOTAL		16	1.185	17	100	9	150	18		
WEIGHT KG			1.185		100		150			

GRAND TOAL: 1.435 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/10/2024	TO: VSP01 - TD5 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNAM - DTÙNG	ETA: 16:20
NAU-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG MINH HAI	VSP01	25-26	2	18	3	35	80	CODIEN	Vietnamese
2	DOAN VIET ĐONG	VSP01	27	1	13	4	80	75	CODIEN	Vietnamese
3	DINH VAN BIEN	VSP01	32	1	15			78	CODIEN	Vietnamese
4	KARPUNIN ALEXEY	TD5	04	1	15			98	KHOAN	Russian
5	ĐOAN THANH MAI	AMD	28	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN PHANG	AMD	29-30	2	10			63	KH-THAC	Vietnamese
7	VÔ TRUNG HIỂU	AMD	25	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU LUẬT	AMD	31	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	AMD	27	1	4	4	80	76	PSV	Vietnamese
10	TẠ HỒNG GIANG	AMD	26	1	5			63	PSV	Vietnamese
11	PHAN VĂN TRỌNG	AMD	32	1	3			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	VSP01		3	233	4	46	7	115	0		
2	TD5		1	98	1	15	0	0	1		
3	AMD		7	467	8	38	4	80	21		
TOTAL			11	798	13	99	11	195	22		
WEIGHT KG				798		99		195			

GRAND TOAL: 1.092 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+TTC3+TTC2	7:25	20+2+0	0+0+0		18+0+1	0+0+0	
2		TD3+RP1+CIO	7:25	0+0+13	0+0+0		7+0+15	0+0+0	CHUYEN 2 TD3- RP1
3		TD2+P1+CTK3	9:25	19+1+2	0+0+0		7+0+15	0+0+0	CHUYEN 1 P1- CTK3
4		CIO+BK14	9:25	8+12	0+0		2+20	0+0	
5		TD1+P8+P6	11:25	12+10+0	0+0+0		0+2+19	0+0+0	
6		BK4+BK5+P2	11:25	12+0+3	0+0+0		15+0+7	0+0+0	CHUYEN 1 BK4- BK5

TTBDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2024	TO: TD1 - TTC3 - TTC2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VTHĂNG - HTRUNG - TÚ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	SHMAKOV ALEXANDER	TD1	75	1	11			80	KHOAN	Russian
2	PHẠM TIẾN NINH	TD1	59	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN HUY QUANG	TD1	69	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD1	64	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	60-61	2	7			70	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN PHONG	TD1						67	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HUNG	TD1	71	1	3			55	KHOAN	Vietnamese
8	BUI VĂN LUẬN	TD1	65	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM QUANG ANH	TD1						82	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN THÀNH TUẤT	TD1	81	1	5			57	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TUYẾN	TD1	82	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
12	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	74	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
13	TRƯƠNG XUÂN TRUNG	TD1	68	1	10			83	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH NAM	TD1	70	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN THANH	TD1	62-63	2	12			64	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HẬU	TD1	72-73	2	16			87	XAYLAP	Vietnamese
17	HÀ XUÂN BÌNH	TD1	77-78	2	16			70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN CƯỜNG TÂN	TD1	66-67	2	15			80	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ ĐỨC THỌ	TD1	79-80	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM THẾ THUẬN	TD1	76	1	5			72	PSV	Vietnamese
21	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	TTC3	60	1	8	5	84	75	CODIEN	Vietnamese
22	LÊ VĂN NINH	TTC3	59	1	12			75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	TD1		20	1.442	24	163	0	0	18		
2	TTC3		2	150	2	20	5	84	0		
3	TTC2		0	0	0	0	2	40	1		
TOTAL			22	1.592	26	183	7	124	19		
WEIGHT KG				1.592		183		124			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2024	TO: TD3 - RP1 - CLO	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - M.ĐỨC -	ETA: 09:25
cam-1		QTRƯỜNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN PHÚ VINH	CLO	57	1	10			58	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN KHANG	CLO						75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN LẬP QUỐC	CLO	60	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	66	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN QUÂN	CLO	64	1	9			60	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ VĂN QUYNH	CLO	65	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
7	HOÀNG TRUNG THÔNG	CLO	55	1	6			80	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN THẾ NHƯ	CLO	61	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
9	HOÀNG THANH MINH	CLO	62-63	2	11			65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	CLO						80	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ HỒNG DŨNG	CLO	56	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
12	NGÔ VĂN SƠN	CLO	59	1	10			85	KHOAN	Vietnamese
13	MAI THỊ HIỀN	CLO	58	1	13			85	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	0	0	0	0	0	0	7	2	chuyen 02 pax tu TD3-RP1
2	RP1	0	0	0	0	3	45	0		
3	CLO	13	935	12	79	0	0	15		
TOTAL		13	935	12	79	3	45	22		
WEIGHT KG			935		79		45			

GRAND TOAL:

1.059 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2024	TO: TD2 - P1 - CTK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - HTRUNG - TÚ	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	EREMEEV EVGHENHII	TD2	42	1	15			94	KHOAN	Russian
2	DƯƠNG THANH TUNG	TD2	33	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN CHÂU	TD2	34	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ BA PHƯƠNG	TD2	35	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
5	HOÀNG MINH SƠN	TD2	32	1	12			72	ANTOAN	Vietnamese
6	NGHIÊM XUÂN VIỆT	TD2	30	1	11			68	ANTOAN	Vietnamese
7	DƯƠNG HỮU THUẬN	TD2	31	1	6			61	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG THANH	TD2	25-26	2	16			70	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD2	29	1	5			66	DVL	Vietnamese
10	BUI BẠCH DƯƠNG	TD2	36	1	14			68	DVL	Vietnamese
11	TRẦN ĐẠI HÙNG	TD2	37	1	5			75	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN CẢNH CHUNG	TD2	24	1	12			51	XAYLAP	Vietnamese
13	MAI VÕ TRƯỞNG GIANG	TD2	17-18	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ ANH DŨNG	TD2	43-44	2	20			79	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI ĐÌNH SANG	TD2	22-23	2	12			50	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN THANH NAM	TD2	27-28	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐINH THANH BÌNH	TD2	19-21	3	20			72	XAYLAP	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN THANH	TD2	38	1	10	1	18	71	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG VINH	TD2	40	1	15	1	15	78	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN DUC NGHIA	P1	20-21	2	20			72	PVD TRAIN	Vietnamese
21	PHẠM THANH HAI	CTK3	11-12	2	10	1	13	72	KH-THAC	Vietnamese
22	DANG THANH HOANG	CTK3	09	1	10			70	SAN BAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	TD2		19	1.334	26	227	2	33	7		
2	P1		1	72	2	20	0	0	0	1 ✓	CHUYEN 1 PAX P1-CTK3
3	CTK3		2	142	3	20	1	13	15		
TOTAL			22	1.548	31	267	3	46	22		
WEIGHT KG				1.548		267		46			

GRAND TOAL: 1.861 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2024	TO: CLO - BK14	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - M.ĐỨC -	ETA: 11:45
TRANG-2		QTRƯỜNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ MINH MINH	CLO	89	1	5			70	PSV	Vietnamese
2	MAI HAI LONG	CLO	88	1	7			69	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH NHAN	CLO	87	1	3			57	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM DUY CHUNG*	CLO	83	1	9			67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HỘI	CLO	84	1	14			66	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN BA HUNG	CLO	90	1	7			77	DVL	Vietnamese
7	LÀ QUÝ DANH	CLO	86	1	8			63	DVL	Vietnamese
8	VŨ VĂN TRUNG.	CLO	85	1	16			67	DVL	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC PHONG	BK14	24	1	12			77	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ HỒNG LONG	BK14	22-23	2	16			79	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN MINH DŨNG	BK14	27-28	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN BAY	BK14	25-26	2	19			57	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH HOAN	BK14	33-34	2	10			66	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ ĐÌNH NINH	BK14	29-30	2	17	2	22	73	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG HUY	BK14	41-42	2	22			56	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH PHÚC	BK14	31-32	2	20			53	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC ĐĂNG	BK14	37	1	15	1	17	72	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ VĂN TRUNG	BK14	43	1	10	1	17	67	XAYLAP	Vietnamese
19	TRỊNH QUANG KHANH	BK14	35-36	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN MINH TU	BK14	39	1	10	1	14	57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	CLO		8	536	8	69	0	0	2		
2	BK14		12	790	20	189	5	70	20		
TOTAL			20	1.326	28	258	5	70	22		
WEIGHT KG				1.326		258		70			

GRAND TOAL: 1.654 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2024	TO: TD1 - P8 - P6	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: DUONG - MTHAO -	ETA: 14:00
NAU-3		THANH	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN THÀNH CÔNG	TD1	44	1	3			67	PSV	Vietnamese
2	LÊ VĂN THOA	TD1	46	1	10	1	14	76	CODIEN	Vietnamese
3	ĐẶNG TIẾN TOÀN	TD1	43	1	16			71	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC KHOA	TD1	41-42	2	16			92	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG HOA	TD1	49	1	10			80	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN KHƯƠNG	TD1	52	1	12			67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC CHUNG	TD1	53-54	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ CƯ	TD1	50	1	7	1	20	67	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH BANG	TD1	45	1	4			85	PSV	Vietnamese
10	HOÀNG QUỐC VĂN	TD1	55-56	2	12			57	NHATHAU	Vietnamese
11	ĐO XUAN CÔNG	TD1	57-58	2	13			51	NHATHAU	Vietnamese
12	HOANG DINH THUAN	TD1	48	1	10			66	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TIẾN	P8	12	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HOÀNG THI	P8	16	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG TIẾN	P8	15	1	12			78	KHOAN	Vietnamese
16	BUI ANH TU	P8	13	1	12			71	KHOAN	Vietnamese
17	MAI THANH SƠN	P8	24-25	2	11			59	THIEN NAM	Vietnamese
18	PHẠM HỒNG QUY	P8	23	1	12			70	DVL	Vietnamese
19	LÊ DUY HUYNH	P8	14	1	15			67	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN THIỆU BÌNH	P8	21-22	2	20			60	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN HAI ĐĂNG	P8	17-18	2	20			84	DVL	Vietnamese
22	VÔ CHÍ THANH	P8	19-20	2	20			73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	TD1		12	839	16	133	2	34	0		
2	P8		10	707	14	134	0	0	2		
3	P6		0	0	0	0	0	0	20		
TOTAL			22	1.546	30	267	2	34	22		
WEIGHT KG				1.546		267		34			

GRAND TOAL:

1.847 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2024		TO: BK4 - BK5 - P2				AIRCRAFT: 426			ETD: 12:15		
FLIGHT: 6		FROM: VT				CREW: TUYỀN - N.ANH - TOAN			ETA: 14:05		
CAM-3											
No.	PAX.NAME		OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
							PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN HUY		BK4	86	1	15			78	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG HIẾU		BK4	84-85	2	20	3	72	78	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HỒNG LINH		BK4	88	1	12			85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC HUNG		BK4	87	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO VĂN HOÀN		BK4	95	1	14			72	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN HUNG		BK4	94	1	12			55	XAYLAP	Vietnamese
7	VŨ VĂN QUYÊN		BK4	96	1	12			64	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ CÔNG THƯỜNG		BK4	90-91	2	20			80	XAYLAP	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN HUNG		BK4	92-93	2	20			75	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN HUYỀN		BK4	89	1	17			84	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN QUANG PHÚC		BK4	99	1	7	1	17	75	XAYLAP	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN SƠN		BK4	97	1	8	1	15	70	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM THANH NAM		P2	12-13	2	20	2	40	75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH NGÂN		P2	14-15	2	15			68	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ DINH BAY		P2	10-11	2	15			75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	BK4		12	886	15	166	5	104	15+	1	CHUYEN 1 PAX BK4-BK5
2	BK5		0	0	0	0	0	0	0		
3	P2		3	218	6	50	2	40	7		
TOTAL			15	1.104	21	216	7	144	22		
WEIGHT KG				1.104		216		144			

GRAND TOAL: 1.464 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

PC cầm đầu MF